

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1- NGỮ VĂN 7

Khoanh vào đáp án em cho là đúng nhất từ câu 1 đến câu 17.

Câu 1. Bài ca dao sau diễn đạt điều gì?

Công cha như núi ngất trời

Nghĩa mẹ như nước ngoài ngoài biển Đông

- A. Ca ngợi công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ.
- B. Ca ngợi công sinh thành, dưỡng dục trời bể của cha mẹ, nhắc nhở mỗi người phải sống có hiếu.
- C. So sánh công cha với núi ngất trời, nghĩa mẹ với nước biển Đông.
- D. Nhắc nhở con cái phải yêu quý, kính trọng có hiếu với cha.

Câu 2. Câu nào dưới đây diễn tả nỗi nhớ thương da diết của người phụ nữ lấy chồng xa quê?

- A. Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.
- B. Qua đình ngả nón trông đình
Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu.
- C. Đêm đêm con thắp đèn trời
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.
- D. Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Câu 3. Câu ca dao, câu hát nào dưới đây nói về tình cảm gia đình?

- A. Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng.
- B. Anh em như chân với tay
Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần.
- C. Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh.

D. Còn trời, còn nước, còn non

Còn cô bán rượu, anh còn say sưa.

Câu 4. Câu ca dao “Ngó lên nuộc lạt mái nhà/ Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu” diễn tả điều gì?

A. Diễn tả nỗi nhớ, sự yêu kính của con cái đối với cha mẹ.

B. Diễn tả sự yêu mến ngôi nhà và nơi cư trú của mỗi con người.

C. Diễn tả niềm kính yêu và nỗi nhớ của con cháu đối với ông bà tổ tiên.

D. Diễn tả nỗi nhớ của những người con xa xứ hướng về quê hương.

Câu 5. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong câu ca dao sau:

“Con người có cội, có ông

Như cây có cội, như sông có nguồn”.

A. Biện pháp nhân hóa

B. Biện pháp so sánh

C. Biện pháp ẩn dụ

D. Biện pháp hoán dụ

Câu 6. Từ ghép có mấy loại?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 2. Các tiếng trong từ ghép đẳng lập bình đẳng với nhau về mặt ngữ pháp (không phân tiếng chính, không phân tiếng phụ) đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 7. Nghĩa của từ ghép chính phụ có đặc điểm?

A. hẹp hơn nghĩa của tiếng chính tạo nên nó.

B. rộng hơn nghĩa của tiếng chính tạo nên nó.

C. rộng hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó.

D. hẹp hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó.

Câu 8. Từ “học hành, học hỏi” là loại từ gì?

A. Từ ghép chính phụ

B. Từ ghép đẳng lập

C. Từ láy âm

C. Từ láy vần.

Câu 9. Từ “quần áo, sách vở” là từ ghép đẳng lập, có các tiếng bình đẳng với nhau về mặt ý nghĩa, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 10. Văn biểu cảm là gì?

A. Văn biểu cảm là văn bản thể hiện cảm xúc cá nhân về các đối tượng trong đời sống thường nhật.

B. Văn biểu cảm là văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người với thế giới xung quanh và khơi gợi lòng đồng cảm nơi người đọc

C. Văn biểu cảm thể hiện những cảm xúc đánh giá của con người với con người với nhau

D. Văn biểu cảm là văn bản viết ra nhằm bày tỏ cảm xúc với quê hương đất nước.

Câu 11. Văn biểu cảm bao gồm những thể loại nào?

A. Thơ trữ tình, ca dao trữ tình, tùy bút...

B. Chèo, tuồng, kịch nói...

C. Truyện truyền thuyết, cổ tích, truyện ngụ ngôn...

D. Truyện trung đại, truyện ngắn, truyện dài, tiểu thuyết.

Câu 12. Nội dung chính của đoạn thơ sau là gì?

Mùa thu nay khác rồi

Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi

Gió thổi rừng tre phấp phới

Trời thu thay áo mới

Trong biếc nói cười thiết tha

A. Miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên của mùa thu đất nước.

B. Bộc lộ niềm vui của tác giả khi chứng kiến vẻ đẹp của mùa thu đất nước.

C. Khẳng định sự khác biệt của mùa thu mới với những mùa thu khác

D. Kể về những sự kiện hấp dẫn diễn ra trong mùa thu của đất nước.

Câu 13. Phương thức biểu đạt chính của khổ thơ trên là?

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Nghị luận

D. Miêu tả

Câu 14. Những đặc sắc nghệ thuật thể hiện đoạn thơ trên?

- A. Lời văn giàu cảm xúc. B. Hình ảnh sinh động.
C. Phép nhân hóa giàu sức biểu cảm. D. Giọng thơ tha thiết.

Câu 15. Tìm từ láy trong câu sau: “Mặt mũi nó lúc nào cũng nhăn nhó như bà già đau khổ”.

- A. Mặt mũi B. Nhăn nhó C. Bà già D. Đau khổ

Câu 16. Tiếng “tử” trong từ nào sau đây không có nghĩa là con

- A. Tử tù B. Nghịch tử C. Thiên tử D. Hoàng tử

Câu 17. Bài thơ “Tiếng gà trưa” được viết theo thể thơ gì?

- A. Tự do B. Đường luật C. Năm chữ D. Bốn chữ

Câu 18. Tìm các quan hệ từ có thể kết hợp trở thành cặp với các quan hệ từ dưới đây:

- a. Tuy....
b. Nếu...
c. Càng...
d. Mặc dù...

Câu 19. Tìm những từ đồng nghĩa với các từ sau:

- A. Cần cù:
B. Vinh quang:
C. Tươi đẹp:
D. Lớn lao:

Câu 20. Tìm những từ trái nghĩa với các từ sau:

- A. Cần cù:
B. Vinh quang:
C. Tươi đẹp:
D. Lớn lao: